TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Huuỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Kim T, sinh năm 1996

Cư trú: Tổ 9, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1992

Cư trú: Số 22/8, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Bùi Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P2, huyện P2, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 14/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn và kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bùi Thiên K, sinh ngày 13/01/2019. Hiện con đang sống cùng bà T, khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; bà không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà T. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Kim T. Về con chung, giao con chung Nguyễn Bùi Thiên K cho bà T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Kim T khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Văn N. Theo phiếu xác minh ngày 27/01/2023 do Công an phường M cung cấp ông N cư trú tại số 22/8, khóm A, phườn M, thành phố L, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang ngày 14/5/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết, bà T xác định không còn tình cảm với ông N, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn. Ông N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T về tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung; không cung cấp, giao nộp chứng cứ. Tại phiên tòa, ông N tiếp tục vắng mặt không lý do, thể hiện ông N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà T và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì sẽ không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bùi Thiên K, sinh ngày 13/01/2019. Xét thấy, hiện cháu K đang sống cùng với bà T, hơn nữa cháu là nữ sẽ có những phát triển về tâm sinh lý mà rất cần sự chăm sóc của mẹ, do đó để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho cháu phát triển tốt về mọi mặt khi bà T và ông N ly hôn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của bà T.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định.

[5] Về án phí: Bà Bùi Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Kim T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Bùi Thiên K, sinh ngày 13/01/2019. Hiện con đang sống cùng bà T

Bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Bùi Thiên K. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng: Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Bùi Kim T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001245, ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Bùi Kim T và ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,

7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L;
- THADS TP.L;
- UBND xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Hà Thị Chiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Chiền

4